

Bản án số: **49/2025/DS-ST**

Ngày: 16-12-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Khánh.

2. Ông Nguyễn Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2025/TLST-DS ngày 09/4/2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐST-DS ngày 26/11/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: vợ chồng ông Trương Minh H, sinh năm 1983 và Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983; trú tại: khu phố Đ, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố Đ, phường H, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

2. Bị đơn: vợ chồng ông Hồ Ngọc M, sinh năm 1981 và Huỳnh Thị Thu D, sinh năm 1984; trú tại: thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk). Hiện cư trú tại: Khu tái định cư P, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Bà D có mặt, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 25/3/2025, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Minh H, bà Lê Thị Thanh T thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông Hồ Ngọc M, bà Huỳnh Thị Thu D có vay của vợ chồng ông (Trương Minh H, Lê Thị Thanh T) với tổng cộng số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), hẹn 30 ngày sau thanh toán đủ số tiền đã mượn theo Giấy mượn tiền ngày 13/9/2025. Đến hạn trả nợ, vợ chồng ông H, bà T đến nhà vợ chồng ông M, bà D đòi lại số tiền nhiều lần nhưng vợ chồng ông M, bà D chây ì,

rồi hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông M, bà D trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày vi phạm cam kết trả nợ.

Bị đơn ông Hồ Ngọc M, bà Huỳnh Thị Thu D do bà D trình bày tại phiên toà: Bà D thừa nhận Giấy mượn tiền ghi ngày 13/9/2020 do tôi viết và hai vợ chồng bà D cùng ký xác nhận vay (mượn) tiền của vợ chồng ông Trương Minh H1, bà Lê Thị Thanh T tổng cộng số tiền 40.000.000 đồng, vì khó khăn nên không có tiền trả cho nguyên đơn.

Tòa án nhân dân khu vực 12 - tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc vợ chồng ông M, bà D cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng; yêu cầu tính lãi suất chậm trả 10%/năm tính từ tháng 4 năm 2021 (âm lịch) tương ứng tính từ ngày 01/6/2021 dương lịch đến khi xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn xin gia hạn đến tháng 3/2026 sẽ trả hết nợ, không đồng ý cho bị đơn trả dần hằng tháng đến khi hết nợ.

Bị đơn xin đến tháng 3/2026 sẽ trả hết nợ nếu không sẽ trả dần hằng tháng đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông M, bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Hồ Ngọc M, bà Huỳnh Thị Thu D cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Trương Minh H, bà Lê Thị Thanh T số tiền 40.000.000 đồng; chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của nguyên đơn với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày bị đơn vi phạm cam kết trả tiền tính từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay; bị đơn hiện đang cư trú tại Khu tái định cư P, phường H, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk.

[1.2] Ông Hồ Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Hồ Ngọc M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp bản chính Giấy vay tiền đề ngày 13/9/2020, ở mục người vay có chữ ký và chữ viết tên M (Hồ Ngọc M) và Huỳnh Thị Thu D, nội dung thể hiện “*vợ chồng tôi (Hồ Ngọc M, Huỳnh Thị Thu D) có vay (mượn) tiền của vợ chồng Trương Minh H, Lê Thị Thanh T tổng số tiền là 40 triệu đồng; hẹn đến tháng tư âm lịch sẽ trả số tiền 40 triệu đồng*”.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Ngọc M không đến Tòa án để giải quyết nên ông M phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Thu D (vợ ông Hồ Ngọc M) thừa nhận Giấy mượn tiền ngày 13/9/2020 do bà D viết, ở mục người vay tiền do bà D cùng chồng bà là ông Hồ Ngọc M ký xác nhận nợ.

[2.3] Như vậy, đủ cơ sở xác định việc vay (mượn) tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông M, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu trả tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Giấy vay tiền đề ngày 13/9/2020, vợ chồng ông Hồ Ngọc M, bà Huỳnh Thị Thu D cam kết hẹn đến tháng tư âm lịch sẽ trả số tiền 40 triệu đồng. Nguyên đơn cho rằng tháng 4 âm lịch ghi tại giấy mượn tiền ngày 13/9/2020 là hạn trả nợ vào tháng 4 năm năm 2021 (âm lịch), là sau 06 tháng tính từ ngày 13/9/2020.

[3.2] Tại phiên tòa, bị đơn bà D thừa nhận hẹn thời hạn trả nợ sau 06 tháng kể từ ngày 13/9/2020, do đó việc nguyên đơn xác định hạn trả nợ tính từ ngày 01/6/2021 dương lịch là phù hợp, có căn cứ đúng theo Điều 146, 147, 148 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do đó, số tiền lãi chậm trả bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính từ vi phạm nghĩa vụ được xác định tính từ ngày 01/06/2021

đến ngày xét xử sơ thẩm được quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 40.000.000 đồng, thành tiền là 18.169.800 đồng.

[4] Như vậy, bị đơn (ông M, bà D) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn (ông H, bà T) tổng số tiền gốc và lãi chậm trả là 58.169.800 đồng.

[5] Về án phí:

[5.1] Bị đơn ông M, bà D phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 2.908.500 đồng (58.169.800đ x 5%).

[5.2] Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 146, 147, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh H, bà Lê Thị Thanh T vì có căn cứ.

1. Buộc vợ chồng ông Hồ Ngọc M, bà Huỳnh Thị Thu D phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Trương Minh H, bà Lê Thị Thanh T số tiền 58.169.800đ (*Năm mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng*), trong đó: số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền lãi chậm trả là 18.169.800 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí:

2.1. Ông Hồ Ngọc M, bà Huỳnh Thị Thu D phải có trách nhiệm liên đới chịu 2.908.500đ (*Hai triệu chín trăm lẻ tám nghìn năm trăm đồng*) án phí sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho ông Trương Minh H, bà Lê Thị Thanh T 1.813.000đ (*Một triệu tám trăm mười ba nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003744 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Đắc Lắc).

3. Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 12-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV 12-Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Duyên